

Biểu số  
II.06a/VPCP/KSTT

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CƠ QUAN,  
ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Phục lục 1

Kỳ báo cáo: Tháng 5/Năm 2025  
(Từ ngày 01 tháng 05 năm 2025 đến ngày 31 tháng 05 năm 2025)

Đơn vị tính: Số hồ sơ THCC

| STT       | Lĩnh vực giải quyết | Số lượng hồ sơ tiếp nhận |            |                              |             | Số lượng hồ sơ đã giải quyết |           |          |         | Số lượng hồ sơ đang giải |          |         |
|-----------|---------------------|--------------------------|------------|------------------------------|-------------|------------------------------|-----------|----------|---------|--------------------------|----------|---------|
|           |                     | Tổng số                  | Trong kỳ   |                              | Từ kỳ trước | Tổng số                      | Trước hạn | Đúng hạn | Quá hạn | Tổng số                  | Đúng hạn | Quá hạn |
|           |                     |                          | Trực tuyến | Trực tiếp, dịch vụ bưu chính |             |                              |           |          |         |                          |          |         |
| (1)       | (2)                 | (3)                      | (4)        | (5)                          | (6)         | (7)                          | (8)       | (9)      | (10)    | (11)                     | (12)     | (13)    |
| 1         | Bảo trợ xã hội      | 9                        | 0          | 9                            | 0           | 9                            | 9         | 0        | 0       | 0                        | 0        | 0       |
| 2         | Chứng thực          | 262                      | 243        | 19                           | 0           | 262                          | 208       | 54       | 0       | 0                        | 0        | 0       |
| 3         | Hộ tịch             | 88                       | 79         | 8                            | 1           | 87                           | 82        | 5        | 0       | 1                        | 1        | 0       |
| 4         | Người có công       | 6                        | 0          | 6                            | 0           | 2                            | 2         | 0        | 0       | 4                        | 4        | 0       |
| Tổng cộng |                     | 365                      | 322        | 42                           | 1           | 360                          | 301       | 59       | 0       | 5                        | 5        | 0       |

THỐNG KÊ TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỐ HOÁ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
(Từ ngày 01 tháng 05 năm 2025 đến ngày 31 tháng 05 năm 2025)

| STT | Đơn vị (Cơ quan) | Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận |                           |                                  |                                         |                                                 | Số hoá kết quả giải quyết TTHC        |                        |                                   |                            |                            |                                |
|-----|------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------------|
|     |                  | Số hồ sơ Tiếp nhận              | Số hồ sơ chưa số hoá TPHS | Số hồ sơ có số hoá thành phần HS | Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ | Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận | Số hồ sơ tái sử dụng thông tin từ kho | Số hồ sơ đã giải quyết | Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC | Số hồ sơ có số hoá kết quả | Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ | Số hồ sơ có kết quả đã lưu kho |
|     |                  | (1)                             | (2)                       | (3)                              | (4)                                     | (5)=(4)/(1)                                     | (6)                                   | (7)                    | (8)                               | (11)                       | (10)=(9)/(7)               |                                |
| 1   | Xã Thanh Lang    | 364                             | 0                         | 364                              | 359                                     | 98.63                                           | 76                                    | 360                    | 1                                 | 359                        | 99.72                      | 309                            |
|     | Tổng số          | 364                             | 0                         | 364                              | 359                                     | 98.63                                           | 76                                    | 360                    | 1                                 | 359                        | 99.72                      | 309                            |